TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần T, sinh năm 1994 (vắng mặt)
Bị đơn: Anh Tống T1, sinh năm 1991(vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp Hiếu Cảm, TT. C, Huyện. T, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 4 năm 2021. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần T và anh Tống T1 chung sống với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TT. C, huyện T, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng chung sống tương đối hòa hợp nhưng từ cuối năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ tháng 01/2021

chị T bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T1

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tống V sinh ngày 12/11/2015, hiện đang sống cùng chị T. Nay ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Tống T1 đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng anh T1 vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T1 được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị Trần T xin xét xử vắng mặt không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Anh Tống T1 vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ tài liệu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Diều 70, 72 và Điều 234 BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Chị T và anh T1 chung sống với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh chị thường xuyên mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Trần T được ly hôn với anh Tống T1.

Về con chung: Do con chung Tống V, sinh ngày 12/11/2015 hiện đang sống với chị T và chị T có thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Trần T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn,tranh chấp nuôi con chung*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn anh Tống T1 hiện có nơi cư trú tại tổ 7, ấp Hiếu Cảm, TT. C, huyện T, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tung: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Tống T1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Chị Trần T và anh Tống T1 tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TT. C, huyện T, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng vợ chồng chung sống tương đối hòa hợp nhưng từ cuối năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ tháng 01/2021 chị T bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Điều này phù hợp với chứng cứ là đơn xin xác nhận ngày 31/5/2021 tại chính quyền đại phương và lời trình bày của bà Võ C mẹ ruột của chị T. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã mở phiên họp và hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho chị T, anh T nhưng anh T1 vắng mặt không lý do còn chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, giữa chị Tvà anh T1 sống ly thân đã lâu, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm nhau nữa và cũng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T cho chị T được ly hôn với anh T1.

[6] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T1 có 01 con chung tên Tống V sinh ngày 12/11/2015. Chị T yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại đơn xin xác nhận ngày 31/5/2021 tại chính quyền địa phương xác nhận cháu V hiện đang sinh sống cùng chị T, chị T là lao động có thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T giao con chung tên Tống V sinh ngày 12/11/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Không xem xét giải quyết

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn chị Trần T phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Trần T được ly hôn với anh Tống T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Tống V sinh ngày 12/11/2015 cho chị Trần T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Trần T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002822 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND TT. C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh